

TIỂU DIỄN GIẢI
(*CULLANIDDESAPĀḌI*)

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ

Niddesa là tựa đề của tập thứ 11 trong số 15 tập kinh thuộc *Khuddakanikāya* (Tiểu bộ). *Niddesa* được chia làm hai tập: *Mahāniddesapāli* (Đại diễn giải) và *Cullaniddesapāli* (Tiểu diễn giải). Tập kinh *Mahāniddesapāli* là tài liệu giải thích về phẩm 4, *Aṭṭhakavagga* (Phẩm Nhóm tám), còn *Cullaniddesapāli* giải thích tiếp phẩm 5, tức là phẩm cuối, *Pārāyanavagga* (Phẩm Đường đi đến bờ kia), cộng thêm bài kinh *Khaggavisāṇasutta* (Kinh Sừng tê ngừ) thuộc phẩm 1, *Uragavagga* (Phẩm Rắn); tất cả đều được trích ra từ tập *Suttanipātapāli* (Kinh tập), thuộc Tiểu bộ, tạng Kinh. Chúng tôi không nghiệm ra được lý do vì sao tác giả lại chọn lọc và diễn giải hai phẩm trên cộng thêm chỉ một bài kinh *Khaggavisāṇasutta* (Kinh Sừng tê ngừ) của tập *Suttanipātapāli* mà bỏ qua các phẩm và các bài kinh còn lại. Phần nói về văn bản *Chú giải* của tập kinh này đã được trình bày trước đây ở tập kinh *Mahāniddesapāli* nên sẽ không trình bày lại ở đây.

Nội dung của *Pārāyanavagganiddeso* (Diễn giải phẩm đường đi đến bờ kia) mở đầu với phần trình bày lại đầy đủ các kệ ngôn của *Pārāyanavagga* (Phẩm Đường đi đến bờ kia) gồm có ba phần:

- Phần mở đầu, *Vatthugāthā* (Kệ ngôn dẫn chuyện), giới thiệu câu chuyện của vị Bà-la-môn Bāvari và lý do vị này phải các đệ tử của mình đi đến gặp đức Phật (56 kệ ngôn).

- Phần giữa ghi lại các câu hỏi và đáp diễn ra giữa 16 đệ tử của vị Bà-la-môn Bāvari và đức Phật, bắt đầu với các câu hỏi của thanh niên Bà-la-môn Ajita, v.v... (93 kệ ngôn).

- Và phần kết, *Pārāyanānugīti* (Phần tường thuật về đường đi đến bờ kia), kể lại việc thanh niên Bà-la-môn Piṅgiya, cháu gọi Bà-la-môn Bāvari bằng cậu, đã trở về để gặp lại và tường thuật mọi chuyện cho Bà-la-môn Bāvari, đồng thời cũng đã tạo duyên cho vị này đạt đến quả vị A-la-hán (26 kệ ngôn).

Tác giả đã không giải thích 56 kệ ngôn của phần mở đầu, có lẽ ý nghĩa của câu chuyện dẫn nhập ở phần này không có gì khó hiểu, mà chỉ thực hiện việc diễn giải cho hai phần sau: Phần các câu hỏi gồm 93 kệ ngôn, được chia làm 16 phần nhỏ tương xứng với 16 vị đệ tử của Bà-la-môn Bāvari với số lượng câu hỏi ít hay nhiều tùy theo mỗi vị. Thanh niên Bà-la-môn Tissametteyya hỏi ít nhất với 3 câu hỏi, thanh niên Bà-la-môn Mettagū hỏi nhiều nhất với 12 câu

hỏi, các vị khác thì tùy duyên sự với 4, 5, 6, 7, hoặc 8 câu hỏi. Với mỗi câu hỏi của các vị ấy thì có câu trả lời của đức Thế Tôn kể liền đó. Và phần kết gồm có 26 kệ ngôn cũng đã được giải thích đầy đủ. Tổng cộng các kệ ngôn đã được diễn giải gồm có 119 câu. Các vị đệ tử của Bà-la-môn Bāvari đã luân phiên hỏi đức Phật theo thứ tự được trình bày như sau:

Ajitasuttaniddeso (Diễn giải kinh *Ajita*)

Tissametteyyasuttaniddeso (Diễn giải kinh *Tissametteyya*)

Puṇṇakasuttaniddeso (Diễn giải kinh *Puṇṇaka*)

Mettaḡūsuttaniddeso (Diễn giải kinh *Mettaḡū*)

Dhotakasuttaniddeso (Diễn giải kinh *Dhotaka*)

Upasīvasuttaniddeso (Diễn giải kinh *Upasīva*)

Nandasuttaniddeso (Diễn giải kinh *Nanda*)

Hemakasuttaniddeso (Diễn giải kinh *Hemaka*)

Todeyyasuttaniddeso (Diễn giải kinh *Todeyya*)

Kappasuttaniddeso (Diễn giải kinh *Kappa*)

Jatukaṇṇīsuttaniddeso (Diễn giải kinh *Jatukaṇṇī*)

Bhadrāvudhasuttaniddeso (Diễn giải kinh *Bhadrāvudha*)

Udayasuttaniddeso (Diễn giải kinh *Udaya*)

Posālasuttaniddeso (Diễn giải kinh *Posāla*)

Mogharājasuttaniddeso (Diễn giải kinh *Mogharāja*)

Piṅgiyasuttaniddeso (Diễn giải kinh *Piṅgiya*)

Pārāyanānugītiniddeso (Diễn giải phần tường thuật về đường đi đến bờ kia)

Nội dung của *Khaggavisāṇasuttaniddeso* (Diễn giải kinh sừng tê ngưu) được chia làm bốn *vagga* (phẩm), tổng cộng gồm có 41 kệ ngôn được phân chia ra như sau:

Paṭṭhamo vaggo (Phẩm thứ nhất), 10 kệ ngôn

Dutiyo vaggo (Phẩm thứ nhì), 10 kệ ngôn

Tatiyo vaggo (Phẩm thứ ba), 10 kệ ngôn

Catuttho vaggo (Phẩm thứ tư), 11 kệ ngôn

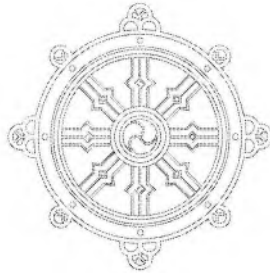
Cách thức diễn giải ở tập kinh này, *Cullaniddesapāli* (Tiểu diễn giải), cũng tương tự như ở, *Mahāniddesapāli* (Đại diễn giải), nghĩa là chú trọng vào việc giải thích các từ đơn và các lời giải thích này được lặp lại mỗi khi những từ ấy xuất hiện ở các kệ ngôn khác, thêm vào đó là các phần giải thích cho các nhóm từ hoặc một phần của câu kệ ngôn; đôi lúc lời giải thích chỉ là sự sắp xếp lại thứ tự của các từ ở câu văn giúp cho việc xác định ý nghĩa được dễ dàng hơn.

Cuối cùng, ngưỡng mong phước báu phát sanh trong công việc soạn thảo tập kinh này được thành tựu đến Thầy Tổ, song thân và tất cả chúng sanh trong tam giới. Nguyên cho hết thầy đều được an vui, sức khỏe, có trí tuệ và tinh tấn tu tập ngõ hầu thành đạt cứu cánh giải thoát, chấm dứt khổ đau.

Kính bít,

Ngày 08 tháng 6 năm 2018

Tỳ-khuru Indacanda (Trương Đình Dũng)



PHẨM ĐƯỜNG ĐI ĐẾN BỜ KIA (PĀRĀYANAVAGGO)

KỆ NGÔN DẪN CHUYỆN (*Vatthugāthā*)

1. Có vị Bà-la-môn tinh thông chú thuật, trong khi ước nguyện về trạng thái vô sở hữu, từ thành phố đáng yêu của xứ Kosala đã đi đến khu vực phía Nam.
2. Vị ấy đã trú ngụ ở địa phận Assaka, kế bên vùng Mūlaka, bên bờ sông Godāvārī, [sống] bằng vật lượm lặt và trái cây.
3. Và đã có một ngôi làng rộng lớn cạnh bờ sông ấy. Với thu nhập phát sanh từ nơi ấy, vị Bà-la-môn đã sắp đặt một cuộc tế lễ vĩ đại.
4. Sau khi đã công hiến cuộc tế lễ vĩ đại, vị Bà-la-môn đã đi vào lại nơi ẩn cư. Khi vị ấy đã đi vào trong, một người Bà-la-môn khác đã đi đến.
5. Và người ấy, với bàn chân bị sưng vù, run lập cập, có răng đóng bọt, với đầu lấm bụi, đã đi đến gần vị Bà-la-môn và cầu xin năm trăm [tiền].
6. Sau khi nhìn thấy chính kẻ ấy, [Bà-la-môn] Bāvari đã mời chỗ ngồi, đã hỏi về sự an lạc và tốt lành, rồi đã nói lời này:
7. “Quả thật, vật thí nào là của tôi, tôi đã ban phát tất cả rồi. Nay ông Bà-la-môn, xin hãy hiểu cho tôi, tôi không có năm trăm.”
8. “Nếu trong khi được tôi cầu xin, mà ngài không ban cho thì vào ngày thứ bảy, cái đầu của ngài hãy bẻ tan thành bảy mảnh.”
9. Sau khi làm pháp thuật, kẻ gạt gẫm ấy đã thốt lời hăm dọa. Sau khi nghe được lời nói đó của kẻ ấy, Bāvari đã trở nên sầu khổ.
10. [Vị ấy] trở nên héo mòn, không thức ăn, đã bị đâm trúng bởi mũi tên sâu muộn. Thêm nữa, đối với người có tâm như vậy, ý [của người ấy] không vui thích trong việc tham thiền.
11. Sau khi nhìn thấy Bāvari bị run sợ, bị sầu khổ, vị thiên có lòng mong mọi điều tốt đẹp, đã đi đến gặp Bāvari và đã nói lời này:
12. “Gã ấy không nhận biết về cái đầu. Gã gạt gẫm ấy là kẻ tầm cầu tài sản. Đối với gã ấy, không có sự hiểu biết về cái đầu hay về việc làm vỡ cái đầu.”
13. “Thưa tiên nữ, nếu nàng biết, khi được tôi hỏi, xin nàng hãy nói cho tôi về điều ấy, về cái đầu và về việc làm vỡ cái đầu. Chúng tôi xin lắng nghe lời nói của nàng về điều ấy.”

14. “Ngay cả tôi cũng không biết về điều này; sự hiểu biết của tôi về lãnh vực này không có. Kiến thức về lãnh vực này, về cái đầu và về việc làm vỡ cái đầu, chỉ riêng thuộc về các đấng Chiến Thắng.”

15. “Vậy thì hiện nay, ở trái đất hình cầu này, người nào biết về cái đầu và về việc làm vỡ cái đầu? Thưa tiên nữ, xin nàng hãy nói ra điều ấy cho tôi.”

16. “Bậc Lãnh Đạo Thế Gian, hậu duệ của đức Vua Okkāka, con trai dòng Sakya, đấng Mặt Trời, trước đây đã ra đi từ thành Kapilavatthu.

17. Nay Bà-la-môn, vị ấy chính là đấng Toàn Giác, bậc đã đi đến bờ kia đối với tất cả các pháp, đã đạt được năng lực của tất cả các thắng trí, bậc Hữu Nhân về tất cả các pháp, đã đạt đến sự cạn kiệt đối với tất cả các nghiệp, đã được giải thoát bởi sự cạn kiệt của các mầm tái sanh.

18. Vị ấy là đức Phật, đấng Thế Tôn ở thế gian, bậc Hữu Nhân thuyết giảng giáo pháp. Ông hãy đi đến và hỏi Ngài. Ngài sẽ giải thích điều ấy cho ông.”

19. Sau khi nghe được câu nói “đấng Toàn Giác”, Bāvari đã trở nên phấn khởi. Nỗi sầu muộn của vị này đã trở thành nhỏ nhoi, và ông ta đã đạt được niềm vui bao la.

20. Vị Bāvari ấy, hoan hỷ, phấn chấn, niềm hân hoan sanh khởi, hỏi người tiên nữ ấy rằng: “Đấng Bảo Hộ Thế Gian ở ngôi làng, hoặc ở thị trấn nào, hay ở xứ sở nào? Chúng tôi sẽ đi đến nơi ấy và lễ bái đấng Toàn Giác, bậc Tối Thượng Của Loài Người.”

21. “Đấng Chiến Thắng ở Sāvatti tại cung điện của xứ Kosala, là vị có tuệ rộng lớn, có sự thông minh bao la cao quý. Người con trai dòng Sakya ấy là không ai sánh bằng, không còn lậu hoặc, là bậc Nhân Nguru, vị hiểu biết về việc làm vỡ cái đầu.”

22. Sau đó, vị Bà-la-môn đã bảo những người học trò tinh thông về chú thuật rằng: “Này các cậu thanh niên, hãy đến, ta sẽ nói. Các ngươi hãy lắng nghe lời nói của ta.

23. Sự xuất hiện thường xuyên ấy của vị nào là điều khó đạt được ở thế gian, vị ấy hôm nay đã hiện khởi ở thế gian, được biết tiếng là ‘đấng Toàn Giác’. Các con hãy nhanh chóng đi đến Sāvatti và diện kiến bậc Tối Thượng Của Loài Người.”

24. “Thưa Bà-la-môn, vậy làm thế nào chúng con có thể biết là ‘đức Phật’ sau khi nhìn thấy? Xin thầy hãy nói ra cho chúng con, những người không biết, để chúng con có thể nhận biết vị ấy.”

25. “Các tướng trạng của bậc Đại nhân quả đã được lưu truyền ở các chú thuật, và ba mươi hai điều đã được thuật lại đầy đủ theo thứ tự.

26. Vị nào có những tướng trạng của bậc Đại nhân này ở các phần thân thể, đối với vị ấy chỉ có hai lối đi, bởi vì lối đi thứ ba không có.

27. Nếu sống tại gia, vị ấy sẽ chinh phục trái đất này và cai quản đúng pháp không nhờ vào gây gộc, không nhờ vào gươm đao.

28. Và nếu vị ấy xuất gia, rời nhà sống không nhà thì [sẽ] trở thành đáng Toàn Giác, bậc A-la-hán, đáng Vô Thượng, có màn che [vô minh] đã được xua tan.

29. Các người hãy hỏi, chỉ bằng ý mà thôi, về việc sanh ra và về dòng họ, về tướng trạng, về các chú thuật, về các học trò, về những điều khác nữa [liên quan đến ta], về cái đầu và về việc làm vỡ cái đầu.

30. Nếu là đức Phật, bậc có sự nhìn thấy không bị ngăn trở thì vị ấy sẽ đáp lại các câu hỏi được hỏi bằng ý thông qua lời nói.”

31. Sau khi lắng nghe lời nói của Bāvari, mười sáu vị Bà-la-môn học trò là: Ajita, Tissametteyya, Puṇṇaka rồi Mettagū.

32. Dhotaka và Upasīva, Nanda, rồi Hemaka, hai vị Todeyya và Kappa, và vị sáng suốt Jatukaṇṇī.

33. Bhadrāvudha và Udaya, luôn cả Bà-la-môn Posāla, vị thông minh Mogharāja và vị đại ẩn sĩ Piṅgiya.

34. Tất cả là những vị có đồ chúng riêng, được nổi tiếng khắp cả thế gian, có thiên chứng, thích thú với thiên, sáng trí, đã được huân tập thành thói quen trong quá khứ.

35. Sau khi đã đánh lễ Bāvari và thực hiện việc nhiễu quanh vị ấy, tất cả các vị, có tóc bện, mặc y da dê, đã ra đi hướng về phía Bắc.

36. [Họ đã đi] đến Patitṭhāna của xứ sở Mūlaka trước tiên, rồi đến Māhissatī, luôn cả Ujjenī, Gonaddhā, Vedisā và [thành phố] có tên Vana.

37. Rồi đến Kosambī, luôn cả Sāketa, thành phố hạng nhất Sāvatti, Setavya, vùng đất Kapila và cung điện Kusinārā.

38. Pāvā, và thành phố Bhogā, Vesālī, thành phố xứ Magadha và điện thờ Pāsāṇaka đáng yêu, thích ý.

39. Tựa như người bị khát nước được nước mát, tựa như thương buôn được lợi lớn, tựa như người bị thiêu đốt bởi sức nóng được bóng râm, họ đã vui mừng trèo lên ngọn núi.

40. Và vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn, được tôn vinh bởi hội chúng Tỳ-khuru, đang thuyết giảng giáo pháp cho các vị Tỳ-khuru, tựa như con sư tử đang gầm thét ở khu rừng.

41. Ajita đã nhìn thấy đáng Toàn Giác tựa như mặt trời có trăm ánh hào quang, giống như mặt trăng đã tiến gần đến sự tròn đầy vào ngày mười lăm.

42. Rồi sau khi nhìn thấy các phần thân thể của vị này và dấu hiệu được đầy đủ, Ajita đứng ở một bên, mừng rỡ, đã hỏi bằng ý các câu hỏi rằng:

43. “Xin Ngài hãy xác định và nói về việc sanh ra [của vị Bāvari]. Xin Ngài hãy nói về dòng họ cùng với tướng trạng. Xin Ngài hãy nói về sự toàn hảo ở các chú thuật. Vị Bà-la-môn [Bāvari] dạy bảo được bao nhiêu?”

44. “Tuổi thọ là một trăm hai mươi. Và theo dòng họ vị ấy là Bāvari. Ở thân thể vị này có ba tướng trạng. Là vị tinh thông về ba bộ Vệ-đà.

45. Là người đã đạt đến sự toàn hảo về pháp [Bà-la-môn] của mình, về tướng trạng và về truyền thống, về từ vựng và về nghi lễ, [Bāvari] dạy bảo năm trăm [học trò].”

46. “Thưa bậc Tối Thượng Nhân, thưa bậc đã cắt đứt tham ái, xin Ngài hãy giải thích chi tiết về các tướng trạng của Bāvari, xin chớ để chúng tôi bị nghi ngờ.”

47. “[Người ấy] che khuất khuôn mặt bằng cái lưới, có sợi lông ở khoảng giữa chân mày của người này, vật được che giấu sau lớp vải [dương vật] được bọc lại, này người thanh niên, hãy biết như thế.”

48. Trong khi không nghe bất kỳ câu hỏi nào mà đã nghe các câu hỏi được giảng giải, mọi người đều sanh niềm hân hoan, tay chấp lại, suy nghĩ rằng:

49. “Vậy thì vị trời nào, hay đáng Đại phạm, hoặc [Thiên vương] Inda chồng của Sujā, đã hỏi bằng ý những câu hỏi ấy? [Đức Phật] đáp lại điều này cho ai?”

50. “Vị Bāvari hỏi về cái đầu và về việc làm vỡ cái đầu. Thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy giải thích điều ấy. Thưa bậc Ân Sĩ, xin Ngài hãy xua đi sự nghi ngờ của chúng tôi.”

51. “Người hãy biết vô minh là ‘cái đầu’, minh là vật đập vỡ cái đầu, được liên kết với tín, niệm, định,... với mong muốn và tinh tấn.”

52. Do đó, với niềm hân hoan lớn lao, người thanh niên Bà-la-môn sau khi trấn tĩnh lại, đã khoác tấm da dê một bên vai, quỳ xuống đê đầu ở hai bàn chân [đức Phật và nói rằng]:

53. “Thưa Ngài, Bà-la-môn Bāvari có tâm phần khởi, có ý tốt lành, cùng với các học trò đánh lễ hai bàn chân của Ngài, thưa bậc Hữu Nhãn.”

54. “Mong sao Bà-la-môn Bāvari cùng với các học trò được an lạc. Và luôn cả người nữa, hãy được an lạc. Này người thanh niên, chúc người sống thọ.

55. Từ cơ hội đã được tạo ra, người hãy hỏi mọi điều ngờ vực của tất cả, của Bāvari hoặc của người, bất cứ điều gì người mong muốn ở trong tâm.”

56. Với cơ hội đã được tạo ra bởi đáng Toàn Giác, Ajita đã ngồi xuống, chấp tay lại, tại nơi ấy đã hỏi đức Như Lai câu hỏi thứ nhất.

Dứt “Kệ ngôn dẫn chuyện.”

1. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN AJITA (*Ajita māṇavapucchā*)

1.1. [Tôn giả Ajita¹ nói rằng:]

¹ Lúc đi đến gặp đức Thế Tôn, Ajita còn là một vị thanh niên Bà-la-môn [*māṇava*]. Vào cuối buổi giảng pháp, Ajita đã thành tựu quả vị A-la-hán (*SnA*. II. 588; *Cullaniddesapāli* - *Tiểu điển giải*, *TTPV*, tập 36, trang 89).

“Thế giới bị bao trùm bởi cái gì?
Không chói sáng bởi điều gì?
Ngài hãy nói cái gì là vật làm uế nhiễm đối với [thế giới] này?
Cái gì là sự nguy hiểm lớn lao đối với nó [thế giới]?”

1.2. [Đức Thế Tôn nói: “Này Ajita]
Thế giới bị bao trùm bởi vô minh,
Không chói sáng bởi keo kiệt, bởi xao lãng.
Ta nói tham muốn là vật làm uế nhiễm,
Khổ là sự nguy hiểm lớn lao đối với nó [thế giới].”

1.3. [Tôn giả Ajita nói rằng:]
“Các dòng chảy tuôn tràn khắp mọi nơi,
Cái gì là sự ngăn cản các dòng chảy?
Ngài hãy nói về sự ngăn chặn các dòng chảy,
Các dòng chảy được chặn đứng bởi cái gì?”

1.4. [Đức Thế Tôn nói: “Này Ajita]
Những dòng chảy nào hiện diện ở thế gian,
Niệm là sự ngăn cản chúng.
Ta nói về sự ngăn chặn các dòng chảy,
Chúng được chặn đứng bởi tuệ.”

1.5. [Tôn giả Ajita nói rằng:]
“Tuệ và luôn cả niệm,
Danh và sắc, thừa Ngài,
Được tôi hỏi điều này, xin Ngài hãy nói lên,
Ở đâu điều này được hoại diệt?”

1.6. “Người đã hỏi câu hỏi về điều nào, này Ajita, Ta trả lời cho người về điều ấy, về việc danh và sắc được hoại diệt không dư sót. Do sự diệt tận của thức, ở đây, điều này [danh và sắc] được hoại diệt.”

1.7. “Những vị nào đã hiểu rõ giáo pháp [là các bậc A-la-hán] và những vị nào là các bậc Hữu học đông đảo ở nơi này, tôi hỏi bậc Chín Chấn về oai nghi của những vị ấy, thưa Ngài, xin Ngài hãy nói lên.”

1.8. “Không nên khát khao ở các dục,
Không nên bị khuấy động bởi tâm,
Thiện xảo đối với tất cả các pháp,
Có niệm, vị Tỳ-khưu ra đi du phương.”

Dứt “Câu hỏi của thanh niên Ajita.”

2. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN TISSAMETTEYYA (*Tissametteyyamānavapucchā*)

2.1. [Tôn giả Tissametteyya nói rằng:]

“Ở đây, người nào được hài lòng ở thế gian?
Đối với người nào các sự xao động không hiện hữu?
Người nào sau khi biết rõ cả hai thái cực,
Không bị nhiễm bẩn ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ?
Ngài nói ai là ‘bậc Đại nhân’?
Ở đây, người nào đã vượt qua thọ may [tham ái]?”

2.2. [Đức Thế Tôn nói: “Này Metteyya]
Vị có Phạm hạnh về các dục,
Đã xa lìa tham ái, luôn luôn có niệm,
Sau khi đã suy xét, vị Tỳ-khưu được tịch diệt.
Đối với vị ấy, các sự xao động không hiện hữu.

2.3. Vị ấy sau khi biết rõ cả hai thái cực,
Không bị nhiễm bẩn ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ.
Ta nói vị ấy là ‘bậc Đại nhân’.
Ở đây, vị ấy vượt qua thọ may [tham ái].”

Dứt “Câu hỏi của thanh niên Tissametteyya.”

3. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN PUNṆAKA (*Puṇṇakamāṇavapucchā*)

3.1. [Tôn giả Puṇṇaka nói rằng:] “Với ý định hỏi câu hỏi, tôi đã đi đến bậc không dục vọng, bậc có sự nhìn thấy gốc rễ [của các pháp]: ‘Nương tựa vào điều gì, các vị ẩn sĩ, loài người, các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần, đã chuẩn bị lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian.’ Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này.”

3.2. [Đức Thế Tôn nói: “Này Puṇṇaka] bất cứ những ai, các vị ẩn sĩ, loài người, các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần, đã chuẩn bị lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian, này Puṇṇaka, trong khi mong ước bản thể này, bị phụ thuộc vào tuổi già, họ đã chuẩn bị lễ hiến tế.”

3.3. [Tôn giả Puṇṇaka nói rằng:] “Bất cứ những ai, các vị ẩn sĩ, loài người, các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần, đã chuẩn bị lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian, thưa đức Thế Tôn, có phải những người ấy, không xao lãng ở đường lối tế lễ, thưa Ngài, họ đã vượt qua sanh và già? Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này.”

3.4. [Đức Thế Tôn nói: “Này Puṇṇaka] những kẻ mong ước, khen ngợi, nguyện cầu, cúng tế, những kẻ nguyện cầu các dục bởi vì lợi lộc, Ta nói rằng: ‘Những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, bị luyến ái với sự luyến ái vào hữu, đã không vượt qua sanh và già.’”

3.5. [Tôn giả Puṇṇaka nói rằng:] “Thưa Ngài, nếu những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, đã không vượt qua sanh và già nhờ vào các lễ hiến tế, vậy giờ đây, thưa Ngài, người nào ở thế giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già? Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này.”

3.6. [Đức Thế Tôn nói: “Này Puṇṇaka] sau khi đã suy xét nơi này và nơi khác ở thế gian, vị nào không có sự xao động tại bất cứ nơi nào ở thế gian, là bậc an tịnh, không còn khói mù, không phiền muộn, không mong cầu, Ta nói rằng, vị ấy đã vượt qua sanh và già.”

Dứt “Câu hỏi của thanh niên Puṇṇaka.”

4. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN METTAGŪ (*Mettaḡūmaṇavapucchā*)

4.1. [Tôn giả Mettagū nói rằng:] “Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này. Tôi nghĩ rằng Ngài là bậc đã đạt được sự hiểu biết, có bản thân đã được tu tập. Từ đâu mà các khổ này đã được khởi lên, bất kể loại nào ở thế gian, với nhiều hình thức?”

4.2. [Đức Thế Tôn nói: “Này Mettagū] quả thật người đã hỏi Ta về nguồn sanh khởi của khổ. Ta sẽ tuyên thuyết về điều ấy cho người theo như điều Ta nhận biết. Các khổ phát khởi đều có căn nguyên là mầm tái sanh, bất kể loại nào ở thế gian, với nhiều hình thức.

4.3. Thật vậy, kẻ nào, [do] không có sự hiểu biết, rồi tạo ra mầm tái sanh, là kẻ ngu, [sẽ] đi đến khổ lần này rồi lần khác. Vì thế, người có sự quán xét về sự sanh ra và phát khởi của khổ, trong khi biết, không nên tạo ra mầm tái sanh.”

4.4. [Tôn giả Mettagū nói rằng:] “Điều nào chúng tôi đã hỏi Ngài, Ngài đã giải thích cho chúng tôi. Chúng tôi hỏi Ngài điều khác, vậy xin Ngài hãy trả lời điều ấy. Làm thế nào các bậc sáng trí vượt qua dòng lũ, sanh và già, sầu muộn và than vãn? Thưa bậc Hiền Trí, xin Ngài hãy giảng rõ tường tận điều ấy cho tôi, bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể.”

4.5. [Đức Thế Tôn nói: “Này Mettagū] Ta sẽ giải thích cho người giáo pháp, về pháp đã được thấy, không phải do nghe nói lại. Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống, có thể vượt qua sự vương mắc ở thế gian.”

4.6. “Và tôi thích thú về điều ấy,
Thưa bậc Đại Ân Sĩ, về giáo pháp tối thượng.
Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống,
Có thể vượt qua sự vương mắc ở thế gian.”

4.7. [Đức Thế Tôn nói: “Này Mettagū] bất cứ điều gì mà người tự mình nhận biết, bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa, người hãy xua đi sự vui thích, sự chấp chặt, và tâm thức liên quan đến các pháp ấy; không nên trụ lại ở hữu.

4.8. An trú như vậy, có niệm, không xao lãng, vị Tỳ-khưu trong khi sống, sau khi từ bỏ các vật đã được chấp là của ta, là vị hiểu biết, ngay tại nơi này, có thể dứt bỏ khổ đau, sanh, già, sầu muộn và than vãn.”

4.9. [Tôn giả Mettagū nói rằng:] “Tôi thích thú lời nói này của bậc Đại Ân Sĩ, thưa Ngài Gotama, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh đã khéo

được trình bày, bởi vì đức Thế Tôn đương nhiên đã dứt bỏ khổ, bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể.

4.10. Những người nào, thưa bậc Hiền Trí, được Ngài giáo huấn không ngừng nghỉ, luôn cả những người ấy chắc chắn có thể dứt bỏ khổ đau. Vì thế, thưa bậc Long Tượng, sau khi gặp Ngài, con² xin kính lễ Ngài. Mong sao đức Thế Tôn sẽ giáo huấn con không ngừng nghỉ.”

4.11. [Đức Thế Tôn nói: “Này Mettagū] vị Bà-la-môn nào mà người có thể biết rõ là bậc đã đạt được sự hiểu biết, không còn vướng bận, không bị dính mắc ở dục và hữu, vị ấy đương nhiên đã vượt qua dòng lũ này và đã vượt qua đến bờ kia, không còn sự cứng cõi [của tâm], không còn nghi ngờ.

4.12. Và người nào ở nơi này, có sự hiểu biết, là bậc đã đạt được sự hiểu biết, sau khi tháo gỡ sự quuyến luyến này ở hữu và phi hữu, người ấy có tham ái đã được xa lìa, không còn phiền muộn, không có mong cầu, Ta nói rằng, người ấy đã vượt qua sanh và già.”

Dứt “Câu hỏi của thanh niên Mettagū.”

5. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN DHOTAKA (*Dhotakamāṇavapucchā*)

5.1. [Tôn giả Dhotaka nói rằng:] “Thưa đức Thế Tôn, con hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời con về điều này. Thưa bậc Đại Ân Sĩ, con mong mỗi lời nói của Ngài. Sau khi lắng nghe lời tuyên bố của Ngài, con có thể học tập về sự tịch diệt cho bản thân.”

5.2. [Đức Thế Tôn nói: “Này Dhotaka] chính vì điều ấy, người hãy thực hiện sự nhiệt tâm, ngay tại nơi này, hãy là người có sự chín chắn, có niệm. Sau khi lắng nghe lời tuyên bố từ nơi đây, nên học tập về sự tịch diệt cho bản thân.”

5.3. [Tôn giả Dhotaka nói rằng:] “Con nhìn thấy ở thế giới của chư thiên và loài người, vị Bà-la-môn không còn vướng bận đang sinh hoạt [trong bốn oai nghi]. Vì thế, thưa bậc Toàn Nhân, con xin kính lễ Ngài. Thưa vị dòng Sakya, xin Ngài hãy giải thoát cho con khỏi các nỗi nghi hoặc.”

5.4. [Đức Thế Tôn nói: “Này Dhotaka] Ta không có khả năng về việc giúp cho giải thoát bất cứ người nào ở thế gian có nỗi nghi hoặc, này Dhotaka. Nhưng trong khi hiểu được giáo pháp tối thượng, như vậy người có thể vượt qua dòng lũ này.”

5.5. [Tôn giả Dhotaka nói rằng:] “Thưa đáng Phạm thiên, xin Ngài hãy từ mẫn chỉ dạy pháp viễn ly để con có thể nhận thức được pháp ấy; theo đó, con ví như hư không, không bị xáo trộn, con có thể sống ở chính nơi này, được an tịnh, không dựa dẫm.”

5.6. [Đức Thế Tôn nói: “Này Dhotaka] Ta sẽ giải thích cho người về sự an

² Từ đoạn này trở đi, nhân xưng đại danh từ “tôi” của các vị Bà-la-môn sẽ được ghi là “con” theo ý kiến chủ quan của người dịch nghĩ rằng, đến lúc này, các vị Bà-la-môn đã có niềm tin với đức Phật nên có sự khiêm nhường hơn so với trước đây khi mới gặp. (ND)

tịnh, về pháp đã được thấy, không phải do nghe nói lại; sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống, có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian.”

5.7. [Tôn giả Dhotaka nói rằng:] “Và con thích thú về điều ấy, thưa bậc Đại Ân Sĩ, về sự an tịnh tối thượng; sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống, có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian.”

5.8. [Đức Thế Tôn nói: “Này Dhotaka] bất cứ điều gì mà người tự mình nhận biết, bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa, sau khi hiểu điều này là ‘sự quyến luyến’ ở thế gian, người chớ tạo ra tham ái ở hữu và phi hữu.”

Dứt “Câu hỏi của thanh niên Dhotaka.”

6. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN UPASĪVA (*Upasīvamāṇavapucchā*)

6.1. [Tôn giả Upasīva nói rằng:] “Thưa vị dòng Sakya, một mình con, không nương tựa [nơi nào], con không có khả năng vượt qua dòng lũ lớn. Thưa bậc Toàn Nhân, xin Ngài hãy nói về đối tượng, được nương tựa vào nơi ấy, con có thể vượt qua dòng lũ này.”

6.2. [Đức Thế Tôn nói: “Này Upasīva] trong khi xem xét về Vô sở hữu xứ, có niệm, nương tựa vào [ý niệm] ‘không có’, người hãy vượt qua dòng lũ. Sau khi dứt bỏ các dục, đã xa lánh hẳn các điều nghi hoặc, người hãy quán sát sự cạn kiệt của tham ái, đêm và ngày.”

6.3. [Tôn giả Upasīva nói rằng:] “Vị nào đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các dục, đã nương tựa vào Vô sở hữu xứ sau khi từ bỏ pháp [chứng đắc] khác, đã hướng đến sự giải thoát do tướng cao nhất, phải chăng vị ấy có thể trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa?”

6.4. [Đức Thế Tôn nói: “Này Upasīva] vị nào đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các dục, đã nương tựa vào Vô sở hữu xứ sau khi từ bỏ pháp [chứng đắc] khác, đã hướng đến sự giải thoát do tướng cao nhất, vị ấy có thể trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa.”

6.5. [Tôn giả Upasīva nói rằng:] “Nếu vị ấy trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa, thậm chí một số năm, thưa bậc Toàn Nhân, ngay tại chỗ ấy, vị ấy có thể có sự mất mẻ, được giải thoát, có phải thức của vị thuộc hạng như thế ấy có thể diệt tắt?”

6.6. [Đức Thế Tôn nói: “Này Upasīva] giống như ngọn lửa đã bị dập tắt bởi lực đẩy của làn gió, thời đi đến sự chấm dứt, không đạt đến danh xưng; tương tự như vậy, vị Hiền trí đã được giải thoát khỏi danh thân [tập hợp các yếu tố thuộc về tâm], thời đi đến sự chấm dứt, không đạt đến danh xưng.

6.7. [Tôn giả Upasīva nói rằng:] “Có phải vị ấy đi đến sự chấm dứt hay vị ấy không có [hiện hữu], hay là vị ấy thật sự ở vào trạng thái trường tồn, vô bệnh?”

³ Pháp [chứng đắc] khác: Nói đến sáu loại chứng đắc thấp hơn (*SnA*. II. 593-594), tức là sự chứng đắc bốn tầng thiên sắc giới và hai tầng thiên Không vô biên xứ và Thức vô biên xứ thuộc vô sắc giới. (ND)

Thưa bậc Hiền Trí, xin Ngài hãy giảng rõ tường tận điều ấy cho con, bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể.”

6.8. [Đức Thế Tôn nói: “Này Upasīva] đối với vị đã đi đến sự chấm dứt thì không có sự ước lượng. Với điều nào người ta có thể nói về vị ấy thì điều ấy không còn có đối với vị ấy. Khi tất cả các pháp đã được bùng lên hoàn toàn, ngay cả nền tảng của lời nói cũng được bùng lên hoàn toàn.”

Dứt “Câu hỏi của thanh niên Upasīva.”

7. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN NANDA (*Nandamāṇavapucchā*)

7.1. [Tôn giả Nanda nói rằng:] “‘Các bậc Hiền trí hiện hữu ở thế gian’, mọi người nói như thế; theo Ngài, điều này [có ý nghĩa] thế nào? Họ nói người đã thành tựu về trí là bậc Hiền trí, hay là người đã thực sự thành tựu về lối sống?”

7.2. [Đức Thế Tôn nói: “Này Nanda] không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí, mà các bậc thiện xảo ở nơi đây gọi là bậc Hiền trí. Những người nào sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm], sống không phiền muộn, không mong cầu, Ta nói rằng những người ấy là các bậc Hiền trí.”

7.3. [Tôn giả Nanda nói rằng:] “Bất cứ những Sa-môn và Bà-la-môn nào nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe, nói rằng sự trong sạch là do giới và phận sự, nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức, có phải những vị ấy, thưa đức Thế Tôn, trong khi sông kiềm chế ở nơi ấy, họ đã vượt qua sanh và già, thưa Ngài? Con hỏi Ngài, thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy trả lời con về điều này.”

7.4. [Đức Thế Tôn nói: “Này Nanda] bất cứ những vị Sa-môn và Bà-la-môn nào nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe, nói rằng sự trong sạch là do giới và phận sự, nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức, mặc dầu những vị ấy, trong khi sông kiềm chế ở nơi ấy, Ta nói rằng: ‘Họ đã không vượt qua sanh và già.’”

7.5. [Tôn giả Nanda nói rằng:] “Bất cứ những vị Sa-môn và Bà-la-môn nào nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe, nói rằng sự trong sạch là do giới và phận sự, nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức.

7.6. Thưa bậc Hiền Trí, nếu Ngài nói những vị ấy là không vượt qua dòng lũ, vậy giờ đây, thưa Ngài, người nào ở thế giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già? Con hỏi Ngài, thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy trả lời con về điều này.”

7.7. [Đức Thế Tôn nói: “Này Nanda] Ta không nói rằng tất cả các vị Sa-môn và Bà-la-môn đều bị bao trùm bởi sanh và già. Ở đây, những vị nào đã dứt bỏ điều đã được thấy, hoặc điều đã được nghe, hoặc điều đã được cảm giác, hoặc thậm chí tất cả giới và phận sự, đã dứt bỏ mọi hình thức nhiều loại, đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc, Ta nói rằng ‘những con người ấy thật sự đã vượt qua dòng lũ.’”

7.8. [Tôn giả Nanda nói rằng:] “Thưa Ngài Gotama, con thích thú lời nói này của bậc Đại Ân Sĩ, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh đã khéo được trình bày. Ở đây, những vị nào đã dứt bỏ điều đã được thấy, hoặc điều đã được nghe, hoặc điều đã được cảm giác, hoặc thậm chí tất cả giới và phận sự, đã dứt bỏ mọi hình thức nhiều loại, đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc, con cũng nói rằng: ‘Những vị ấy đã vượt qua dòng lũ.’”

Dứt “Câu hỏi của thanh niên Nanda.”

8. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN HEMAKA (*Hemakamāṇavapucchā*)

8.1. [Tôn giả Hemaka nói rằng:]

“Những người nào trước đây đã giải thích cho con
Khác với lời dạy của đức Gotama [nói rằng]:
‘Đã là như vậy, sẽ là như vậy’,
Mọi điều ấy đều do nghe lời đồn đãi,
Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ,
Con đã không thích thú về điều ấy.

8.2. Và xin Ngài hãy nói ra cho con về giáo pháp,
Về sự diệt trừ tham ái, thưa bậc Hiền Trí;
Sau khi hiểu pháp ấy, con có niệm, trong khi sống,
Có thể vượt qua sự vương mắc ở thế gian.”

8.3. “Ở đây, sự xua đi mong muốn và luyến ái ở các vật có vẻ đáng yêu đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, này Hemaka, là vị thế Niết-bàn, bất hoại.

8.4. Sau khi hiểu thông điều này, những người nào có niệm,
Đã nhận thức được giáo pháp, đã được diệt tất,
Và những người ấy luôn luôn yên tịnh,
Họ đã vượt qua sự vương mắc ở thế gian.”

Dứt “Câu hỏi của thanh niên Hemaka.”

9. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN TODEYYA (*Todeyyamāṇavapucchā*)

9.1. [Tôn giả Todeyya nói rằng:]

“Ở người nào các dục không sinh tồn,
Đối với người nào tham ái không tìm thấy,
Và người nào đã vượt qua các nỗi nghi hoặc,
Sự giải thoát của người ấy là như thế nào?”

9.2. [Đức Thế Tôn nói: “Này Todeyya]
Ở người nào các dục không sinh tồn,
Đối với người nào tham ái không tìm thấy,
Và người nào đã vượt qua các nỗi nghi hoặc,
Đối với người ấy không có sự giải thoát nào khác nữa.”

- 9.3. “Vị ấy không còn mong ước hay là [vị ấy] đang mong ước?
Vị ấy có sự hiểu biết hay là có sự sắp đặt nhờ vào tuệ?
Thưa vị dòng Sakya, để cho con có thể nhận biết về vị Hiền trí,
Thưa bậc Toàn Nhân, xin Ngài hãy nói rõ điều ấy cho con.”
- 9.4. “Vị ấy không còn mong ước, vị ấy không mong ước.
Vị ấy có sự hiểu biết và không có sự sắp đặt nhờ vào tuệ.
Này Todeyya, người hãy nhận biết về vị Hiền trí là như vậy,
Là vị không còn vương bận, không bị dính mắc ở dục và hữu.”

Dứt “Câu hỏi của thanh niên Todeyya.”

10. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN KAPPA (*Kappamāṇavapucchā*)

- 10.1. [Tôn giả Kappa nói rằng:]
“Thưa Ngài, xin Ngài hãy nói về hòn đảo
Dành cho những người đang đứng giữa hồ nước,
Ở dòng lũ có sự nguy hiểm lớn đã được sanh ra,
Dành cho những người đang bị chế ngự bởi lão và tử.
Và xin Ngài hãy nói ra cho con về hòn đảo
Để cho cái [khổ] khác giống như cái [khổ] này không thể xảy ra.”

- 10.2. [Đức Thế Tôn nói: “Này Kappa]
Ta [sẽ] nói với người về hòn đảo, này Kappa,
Dành cho những người đang đứng giữa hồ nước,
Ở dòng lũ có sự nguy hiểm lớn đã được sanh ra,
Dành cho những người đang bị chế ngự bởi lão và tử.

10.3. Hòn đảo ấy là không vương bận, không nắm giữ, không có cái nào khác, Ta gọi cái ấy là ‘Niết-bàn’, sự diệt trừ hoàn toàn lão và tử.

- 10.4. Sau khi hiểu thông điều này, những người nào có niệm,
Đã nhận thức được giáo pháp, đã được diệt tắt,
Những người ấy không đi theo quyền lực của Ma vương,
Những người ấy không là nô bộc của Ma vương.”

Dứt “Câu hỏi của thanh niên Kappa.”

11. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN JATUKANŌ (*Jatukañṇimāṇavapucchā*)

11.1. [Tôn giả Jatukañṇi nói rằng:] “Thưa bậc Anh Hùng, sau khi con nghe về vị không có ham muốn các dục, con đã đi đến để hỏi vị đã vượt qua dòng lũ, vị không có ham muốn. Thưa bậc có nhãn quan đã được đồng sanh [với trí toàn giác], xin Ngài hãy nói về vị thế an tịnh. Thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy nói cho con về điều này đúng theo sự thật.

- 11.2. Thật vậy, đức Thế Tôn sinh hoạt [cư xử] sau khi ngự trị các dục,

Tựa như thái dương, có sức nóng, ngự trị trái đất bằng sức nóng.
Thưa bậc có tuệ bao la, đối với con là người có tuệ nhỏ nhoi,
Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức
Sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây.”

- 11.3.** [Đức Thế Tôn nói: “Này Jatukannī]
Ngươi hãy dẹp bỏ sự thèm khát ở các dục
Để nhìn thấy sự xuất ly là an toàn.
Dầu đã được nắm bắt hay đã được vứt bỏ,
Sự vương bận chớ có hiện diện đối với ngươi.
- 11.4.** Điều nào trước đây [quá khứ], ngươi hãy làm khô héo điều ấy.
Chớ có điều vương bận sanh khởi đến ngươi sau này [vị lai].
Nếu ngươi không nắm lấy [điều gì] ở khoảng giữa [hiện tại],
Ngươi sẽ sống, được yên tịnh.
- 11.5.** Này Bà-la-môn, đối với vị đã xa lìa sự thèm khát
Ở danh và sắc về mọi phương diện,
Đối với vị này các lậu hoặc không hiện hữu,
Bởi vì chúng, con người rơi vào sự cai quản của tử thân.”

Dứt “Câu hỏi của thanh niên Jatukannī.”

12. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN BHADRĀVUDHA

(Bhadrāvudhamāṇavapucchā)

12.1. [Tôn giả Bhadrāvudha nói rằng:] “Con khẩn cầu bậc khôn ngoan, bậc từ bỏ chỗ trú ngụ, bậc cắt đứt tham ái, bậc không còn dục vọng, bậc từ bỏ niềm vui, bậc đã vượt qua dòng lũ, bậc đã được giải thoát, bậc từ bỏ sự sắp đặt [do tham ái và tà kiến]. Sau khi lắng nghe bậc Long Tượng, từ đây họ sẽ ra đi.

- 12.2.** Trong khi mong mỏi lời nói của Ngài, thưa bậc Anh Hùng,
Vô số người từ các xứ sở đã tụ hội lại.
Xin Ngài hãy giảng rõ tường tận cho họ,
Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể.”

- 12.3.** [Đức Thế Tôn nói: “Này Bhadrāvudha]
Nên dẹp bỏ mọi sự nắm giữ và tham ái
Ở bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa.
Bởi vì, mỗi một điều gì họ chấp thủ ở thế gian,
Do chính điều ấy Ma vương theo đuổi loài người.

12.4. Bởi vậy, trong khi nhận biết [điều này], vị Tỳ-khưu có niệm, không nên chấp thủ bất cứ điều gì ở tất cả thế gian. Trong khi xem xét những người bị dính mắc ở sự nắm giữ như vậy, [vị ấy biết] nhân loại này bị vương mắc ở lãnh địa của thần chết.”

Dứt “Câu hỏi của thanh niên Bhadrāvudha.”

13. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN UDAYA (*Udayamāṇavapucchā*)

- 13.1.** [Tôn giả Udaya nói rằng:]
“Vớ ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến
Bậc có thiên chứng, không còn bụi bặm, đang ngồi,
Bậc đã làm xong phận sự, không còn lậu hoặc,
Đã đi đến bờ kia của tất cả các pháp,
Xin Ngài hãy nói về sự giải thoát do trí giác ngộ,
Về sự phá vỡ vô minh.”
- 13.2.** [Đức Thế Tôn nói: “Này Udaya]
Sự dứt bỏ đối với những mong muốn về dục
Và những nỗi ưu phiền, cả hai loại,
Và việc xua đi sự đã dục,
Việc ngăn cản các trạng thái hồi hận.
- 13.3.** Ta nói về sự giải thoát do trí giác ngộ,
Về sự phá vỡ vô minh
Có xả và niệm hoàn toàn trong sạch,
Có sự suy tầm đúng pháp đi trước.”
- 13.4.** [Tôn giả Udaya nói rằng:]
“Thế gian có cái gì là sự ràng buộc?
Cái gì, đối với nó, là phương tiện xem xét?
Do lia bỏ cái gì
Được gọi là ‘Niết-bàn’?”
- 13.5.** [Đức Thế Tôn nói: “Này Udaya]
Thế gian có vui thích là sự ràng buộc.
Suy tầm, đối với nó, là phương tiện xem xét.
Do lia bỏ tham ái
Được gọi là ‘Niết-bàn’.”
- 13.6.** [Tôn giả Udaya nói rằng:]
“Đối với vị có niệm như thế nào trong lúc thực hành,
Thì thức [của vị ấy] được đình chỉ?
Chúng con đã đi đến để hỏi đức Thế Tôn,
Hãy cho chúng con lắng nghe lời nói ấy của Ngài.”
- 13.7.** “Đối với vị không thích thú cảm thọ
Thuộc nội phần và ngoại phần,
Đối với vị có niệm như vậy trong lúc thực hành,
Thì thức [của vị ấy] được đình chỉ.”

Dứt “Câu hỏi của thanh niên Udaya.”

14. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN POSĀLA (*Posālamāṇavapucchā*)

14.1. [Tôn giả Posāla nói rằng:]

“Vớ ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến
Gặp bậc đã ngự đến bờ kia của tất cả các pháp,
Vị chỉ ra thời quá khứ,
Không còn dục vọng, đã cắt đứt sự nghi ngờ.

14.2. Đối với vị có sắc tướng đã không còn,
Có sự dứt bỏ toàn bộ về thân, đang nhìn thấy ‘không có gì’
Thuộc nội phần và ngoại phần,
Thừa vị dòng Sakya, con hỏi thêm về trí [của vị ấy];
Vị thuộc hạng như thế ấy nên được hướng dẫn thế nào?”

14.3. [Đức Thế Tôn nói: “Này Posāla] trong khi biết rõ tất cả các chỗ trú của thức, đức Như Lai biết vị ấy đang trú [ở đâu], đã thiên về [điều nào], có điều ấy là đích đến.

14.4. Sau khi biết được nguồn xuất phát của Vô sở hữu xứ, [biết được] rằng: ‘Sự ràng buộc bởi vui thích’, sau khi biết rõ điều ấy như vậy, từ đó nhìn thấy rõ nơi ấy; đây là trí như thật của vị ấy, của vị Bà-la-môn đã sống hoàn hảo.”

Dứt “Câu hỏi của thanh niên Posāla.”

15. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN MOGHARĀJA

(*Mogharājamāṇavapucchā*)

15.1. [Tôn giả Mogharāja nói rằng:] “Con đã hỏi vị dòng Sakya hai lần. Bậc Hữu Nhân đã không giải đáp cho con. Và con đã được nghe rằng: ‘[Được hỏi] đến lần thứ ba, bậc Thiên Nhân Ân Sĩ [sẽ] giải đáp.’

15.2. Thế giới này, thế giới khác,
Thế giới Phạm thiên luôn cả chư thiên
Không [thể] biết rõ quan điểm của Ngài,
Của vị Gotama có danh vọng.

15.3. Con đã đi đến bậc có nhãn quan vượt trội như vậy với ý định [hỏi] câu hỏi: Người đang xem xét thế giới như thế nào thì tử thần không nhìn thấy [người ấy]?”

15.4. “Người hãy xem xét thế giới là trống không,
Này Mogharāja, hãy luôn luôn có niệm.
Sau khi nhô lên tà kiến về bản ngã,
Như vậy có thể vượt qua tử thần.
Người đang xem xét thế giới như vậy,
Thần chết không nhìn thấy [người ấy].”

Dứt “Câu hỏi của thanh niên Mogharāja.”

16. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN PĪNGIYA (*Piṅgiyamāṇavapucchā*)

16.1. [Tôn giả Pīngiya nói rằng:]

“Con đã già, yếu sức, không còn vẻ đẹp,
Cặp mắt không còn trong sáng, việc nghe không thoải mái.
Mong rằng con chớ mệnh chung trong lúc còn mê muội.
Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức
Sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây.”

16.2. [Đức Thế Tôn nói: “Này Pīngiya]

Sau khi nhìn thấy những người bị hãm hại do duyên các sắc,
Những người xao lãng bị khổ sở do duyên các sắc,
Vì thế, người, này Pīngiya, là người không xao lãng,
Người hãy từ bỏ sắc để không còn sanh ra lần nữa.”

16.3. [Tôn giả Pīngiya nói rằng:] “Bốn hướng chính, bốn hướng phụ, bên trên, bên dưới, đây là mười phương. Đối với Ngài, không có bất cứ điều gì ở thế gian là không được thấy, không được nghe, không được cảm giác và không được nhận thức [bởi Ngài]. Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây.”

16.4. [Đức Thế Tôn nói: “Này Pīngiya]

Trong khi xem xét những con người bị ngự trị bởi tham ái,
Bị sanh khởi bực bội, bị chế ngự bởi già;
Vì thế, người, này Pīngiya, là người không xao lãng,
Người hãy từ bỏ tham ái để không còn sanh ra lần nữa.”

Dứt “Câu hỏi của thanh niên Pīngiya.”

17. PHẢN TƯỜNG THUẬT VỀ ĐƯỜNG ĐI ĐẾN BỜ KIA

(*Pārāyanānugītī*)

Đức Thế Tôn đã nói điều này trong lúc cư ngụ ở xứ sở Magadha tại bảo điện Pāsāṇaka. Được thỉnh cầu bởi mười sáu vị Bà-la-môn tùy tùng, Ngài đã giải đáp câu hỏi mỗi khi được hỏi. Nếu đối với từng câu hỏi một, sau khi hiểu thông ý nghĩa, sau khi hiểu thông giáo pháp thì có thể thực hành đúng pháp và thuận pháp, và còn có thể đi đến bờ kia của già và chết. Các pháp này là sẽ đi đến bờ kia, vì thế, tên gọi của bài giảng pháp này là *Đường đi đến bờ kia*.

1. Vị Ajita, vị Tissametteyya, vị Puṇṇaka, rồi vị Mettagū, vị Dhotaka và vị Upasīva, vị Nanda, rồi vị Hemaka.

2. Cả hai vị là vị Todeyya với vị Kappa và vị sáng suốt Jatukaṇṇī, vị Bhadrāvudha và vị Udaya, luôn cả Bà-la-môn Posāla, vị thông minh Mogharāja và vị Đại Ân sĩ Pīngiya.

3. Những vị này đã đi đến gặp đức Phật, bậc Ân Sĩ có đức hạnh đầy đủ. Trong khi hỏi các câu hỏi vi tế, họ đã đến gần đức Phật tối thượng.

4. Được hỏi những câu hỏi, đức Phật đã giải đáp cho các vị ấy đúng theo

sự thật. Với việc giải đáp các câu hỏi, bậc Hiền Trí đã làm hài lòng các vị Bà-la-môn.

5. Các vị ấy, được hài lòng với bậc Hữu Nhân, đức Phật, đáng Quyến Thuộc Của Mặt Trời, đã thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của bậc có tuệ cao quý.

6. Theo như điều đã được chỉ bảo bởi đức Phật đối với từng câu hỏi một, người nào thực hành theo như thế thì có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia.

7. Người tu tập đạo lộ tối thượng có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia. Đạo lộ ấy đưa đến việc đi đến bờ kia, vì thế gọi là *Đường đi đến bờ kia*.

8. [Tôn giả Pīngiya nói rằng:] “Tôi sẽ tường thuật *Kinh Đường đi đến bờ kia*.⁴ Bậc không có vết nhơ, có sự thông minh bao la, không còn dục, đã ra khỏi rừng [ô nhiễm]; bậc Long Tượng đã thấy như thế nào, Ngài đã nói ra như thế ấy. Nguyên nhân của việc gì khiến Ngài lại nói lời dối trá?

9. Giờ đây tôi sẽ thuật lại lời nói đức độ của bậc đã dứt bỏ vết nhơ và si mê, của bậc có sự dứt bỏ ngã mạn và gièm pha.

10. Đức Phật, đáng Toàn Nhân, bậc xóa tan sự tăm tối,
Vị đã đi đến tận cùng thế giới, đã vượt mọi hữu,
Không còn lậu hoặc, đã dứt bỏ tất cả khổ,
Vị xứng đáng có danh xưng đã được tôi hầu cận, thưa vị Bà-la-môn.
11. Giống như loài lưỡng sanh, sau khi lìa bỏ khu rừng cây nhỏ,
Có thể sống ở khu rừng có nhiều trái cây,
Cũng như vậy, sau khi lìa bỏ người có tâm nhìn nhỏ nhoi,
Tôi tựa như con chim thiên nga đã đạt đến biển lớn.
12. Những người nào trước đây đã giải đáp cho tôi
Khác với lời dạy của đức Gotama [nói rằng]:
‘Đã là như vậy, sẽ là như vậy’,
Mọi điều ấy đều do nghe lời đồn đãi,
Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ.
13. Vị xóa tan sự tăm tối, một mình, đang ngồi,
Có sự sáng chói, bậc tạo ra ánh sáng ấy
Là vị Gotama có sự hiểu biết bao la,
Là vị Gotama có sự thông minh bao la.
14. Vị ấy đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp,
Có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian,
Có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa.
Đối với pháp [Niết-bàn] ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu.”
15. “Tại sao người lại sống xa lìa vị ấy,
Vị Gotama có sự hiểu biết bao la,

⁴ Lúc này, Bà-la-môn Pīngiya đã chứng quả Bất lai, trở về thuật lại bài *Kinh Đi đến bờ kia* cho vị thầy trước đây là Bà-la-môn Bāvari (SnA. II. 603-05).

- Vị Gotama có sự thông minh bao la,
Dầu chỉ trong chốc lát, này Piṅgiya?
16. Vị ấy đã thuyết giảng cho người giáo pháp
Có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian,
Có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa.
Đối với pháp [Niết-bàn] ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu.”
17. “Tôi không sống xa lìa vị ấy,
Vị Gotama có sự hiểu biết bao la,
Vị Gotama có sự thông minh bao la,
Dầu chỉ trong chốc lát, thưa vị Bà-la-môn.
18. Vị ấy đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp,
Có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian,
Có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa.
Đối với pháp [Niết-bàn] ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu.
19. Tôi nhìn thấy Ngài ấy bằng ý hoặc bằng mắt,
Ban đêm và ban ngày, thưa vị Bà-la-môn, không bị xao lãng.
Trong khi kính lễ [đến Ngài], tôi sống qua đêm,
Chính bằng cách ấy, tôi nghĩ là sống không xa lìa.
20. Tín, hy, tâm ý và niệm
Của tôi không lìa xa lời giảng dạy của đức Gotama.
Mỗi phương hướng nào bậc có tuệ bao la di chuyển đến,
Tôi đây đều kính lễ theo chính mỗi phương hướng ấy.
21. Đối với tôi, là người đã già nua, có thể lực và sức mạnh kém cỏi,
Chính vì thế, thân xác của tôi không theo đến được nơi ấy.
Tôi thường đi đến bằng cách hướng tâm,
Thưa vị Bà-la-môn, bởi vì ý của tôi đã được gắn bó với Ngài ấy.
22. Trong khi nằm ở đám bùn [ngũ dục], đang chao đảo,
Tôi đã bơi từ hòn đảo này đến hòn đảo khác.
Rồi tôi đã nhìn thấy đức Phật Toàn Giác,
Vị đã vượt qua dòng lũ, không còn lậu hoặc.”
23. “Giống như Vakkali có đức tin đã được cởi trói, Bhadrāvudha và Ālavigotama [cũng thế], tương tự y như vậy, người cũng hãy giải thoát bằng đức tin. Này Piṅgiya, người sẽ đi đến bờ kia đối với lãnh địa của thần chết.”

⁵ Vào thời điểm này, đức Phật đang ngự tại thành Sāvattthi. Biết được sự chín muồi về khả năng của Piṅgiya và Bāvari, Ngài đã phóng ra hào quang có màu sắc vàng chói. Piṅgiya, ngay trong lúc đang ngồi tán dương ân đức của Phật cho Bāvari, đã nhìn thấy hào quang ấy. Trong lúc đang xem xét “cái gì đây?” Piṅgiya nhìn thấy đức Thế Tôn như đang đứng trước mặt. Piṅgiya đã bảo vị Bà-la-môn Bāvari rằng: “Đức Phật đã ngự đến.” Bà-la-môn Bāvari đã từ chỗ ngồi chấp tay lên và đứng dậy. Đức Thế Tôn sau khi phóng ra hào quang đã hiện thân cho vị Bà-la-môn thấy. Sau khi thấy thời điểm phù hợp cho cả hai vị, trong lúc chỉ dạy riêng cho Piṅgiya, Ngài đã nói lên kệ ngôn này (SnA. II. 606).

24. “Sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền Trí, con đây càng thêm tịnh tín. Ngài là đức Phật Toàn Giác có màn che đã được cuộn lên, không còn sự cứng cỏi [của tâm], có tài biện giải.

25. Sau khi biết rõ chư thiên bậc thượng, Ngài đã hiểu biết tất cả từ thấp đến cao. Bậc Đạo sư là vị giải quyết dứt điểm các câu hỏi của những người có sự nghi ngờ đang bày tỏ [với Ngài].

26. Đương nhiên, con sẽ đi đến trạng thái [Niết-bàn] không bị chuyển dịch, không bị lay động, không có pháp tương đương đối với Niết-bàn ở bất cứ đâu. Con không có sự nghi ngờ về nơi này. Xin Ngài hãy ghi nhận con là người có tâm đã được hướng đến như vậy.”

Phẩm “Đường đi đến bờ kia” được chấm dứt.

